

ĐẠI HỌC HU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MAY HU**

HUYỀN THẠNG

Niên khóa: 2016-2020

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA
TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MAY HUẾ

Sinh viên thực hiện:

Huỳnh Thị Ngân

Lớp: K50D-Kế toán

Niên khóa: 2016-2020

Giảng viên hướng dẫn

TS. Nguyễn Đình Chí

Huế, tháng 12 năm 2019

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian nghiên cứu, điều tra số liệu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp đại học, ngoài sự cố gắng của bản thân, tôi còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các cá nhân trong và ngoài trường.

Trước hết với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến TS. Nguyễn Đình Chinh - người trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt thời gian thực tập.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Kế toán-Kiểm toán đã trực tiếp tham gia giảng dạy, điều dưỡng và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Tiếp đến tôi xin chân thành cảm ơn đến toàn thể anh chị phòng kế toán của Công ty Cổ phần Dệt May Huế đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành tốt luận văn.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình bên bà đã quan tâm động viên cùng với sự giúp đỡ tận tình trong suốt quá trình học tập và hoàn thành tốt luận văn của mình.

Do còn hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm, để tài không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp chân thành của quý Thầy, Cô và các bạn. Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, ngày 23 tháng 12 năm 2019

Sinh viên thực hiện

Huỳnh Thị Ngân

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHTN	:Bảo hiểm thất nghiệp
BHXXH	:Bảo hiểm xã hội
BHYT	:Bảo hiểm y tế
CBCNV	:Cán bộ công nhân viên
CCDC	:Công cụ dùng công
CNV	:Công nhân viên
CPSX	:Chi phí sản xuất
ĐTXDCB	:Đầu tư xây dựng cơ bản
GĐĐH	:Giám đốc điều hành
GTGT	:Giá trị gia tăng
GTSP	:Giá thành sản phẩm
HHDV	:Hàng hóa dịch vụ
KHCN	:Khoa học công nghệ
KPCĐ	:Kinh phí công đoàn
NSNN	:Ngân sách Nhà nước
NVL	:Nguyên vật liệu
P.TGD	:Phó Tổng Giám đốc
SP	:Sản phẩm
TM	:Thị trường mại
TNCN	:Thu nhập cá nhân
TNDN	:Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:Tài sản cố định
XNK	:Xuất nhập khẩu

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình lao động của Công ty giai đoạn 2016-2018.....	39
Bảng 2.2. Tình hình Tài sản - Nguồn vốn của Công ty qua 3 năm 2016 - 2018.....	42
Bảng 2.3. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua 3 năm 2016 - 2018	46
Biểu 2.1. Trích số chi tiết tài khoản 1331-1	52
Biểu 2.2. Trích số cái tăng giảm tài khoản 133.....	53
Biểu 2.3. Trích bảng kê hóa đơn mua vào tháng 10/2019 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế	54
Biểu 2.4. Trích số chi tiết tài khoản 33311-1	58
Biểu 2.5. Trích số cái tăng giảm tài khoản 3331.....	59
Biểu 2.6. Trích bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra tháng 10/2019 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60
Biểu 2.7. Sổ cái tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.....	67
Biểu 2.8. Sổ chi tiết tài khoản 3334.....	72
Biểu 2.9. Sổ cái tăng giảm tài khoản 3334.....	73
Biểu 2.10. Sổ cái tăng giảm tài khoản 821.....	74
Biểu 2.11. Sổ cái tăng giảm tài khoản 421.....	128

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Dệt May Huế	33
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Dệt May Huế	36
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức kế toán trên máy tính	37
Sơ đồ 2.4: Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	69
Biểu đồ 2.1. Cơ cấu tài sản 2016 – 2018.....	44
Biểu đồ 2.2. Cơ cấu nguồn vốn 2016 – 2018	45

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC BẢNG, BIỂU 	ii
DANH MỤC SƠ ĐỒ , BIỂU ĐỒ 	iii
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1.Lý do lựa chọn đề tài	1
2.Mục tiêu nghiên cứu	2
3.Đội tiếp nghiên cứu	2
4.Phạm vi nghiên cứu	2
5.Phương pháp nghiên cứu	2
6.Tình hình nghiên cứu	3
7.Kết cấu của đề tài.....	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT, THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Dệt MAY HƯNG	5
1.1.Cơ sở lý luận về thuế GTGT	5
1.1.1.Khái niệm về thuế GTGT.....	5
1.1.2. Đặc điểm của thuế GTGT	5
1.1.3. Đối tượng chịu thuế, không chịu thuế và đối tượng nộp thuế GTGT.....	6
1.1.3.1. Đối tượng chịu thuế GTGT	6
1.1.3.2. Đối tượng không chịu thuế GTGT	6
1.1.3.3. Đối tượng nộp thuế GTGT	6
1.1.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT.....	6
1.1.4.1. Căn cứ tính thuế	6
1.1.4.2. Phương pháp tính thuế	7
1.1.5. Khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT	9
1.1.5.1. Khai thuế	9
1.1.5.2. Nộp thuế	10
1.1.5.3. Hoàn thuế GTGT	10
1.2.Cơ sở lý luận về kế toán thuế GTGT.....	11

1.2.1.Kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	11
1.2.1.1.Kế toán thuế GTGT đầu vào.....	11
1.2.1.1.Kế toán thuế GTGT đầu ra	14
1.2.Cơ sở lý luận về thuế TNDN.....	16
1.2.1.Khái niệm về thuế TNDN	16
1.2.2.Đặc điểm của thuế TNDN.....	16
1.2.3.Điểm tiếp nhận nộp thuế TNDN	16
1.2.4.Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN	17
1.2.4.1.Căn cứ tính thuế	17
1.2.4.2.Phương pháp tính thuế	21
1.2.5.Thủ tục kê khai, quyết toán thuế TNDN.....	21
1.2.5.1.Kê khai thuế TNDN.....	21
1.2.5.2.Quyết toán thuế TNDN.....	22
1.3.Kế toán thuế TNDN.....	23
1.3.1.Phương pháp tính thuế	23
1.3.2.Quy trình hạch toán.....	24
1.3.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ	
TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ	28
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Dệt May Huế	28
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	28
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh	29
2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Dệt May Huế	29
2.1.3.1. Chức năng	29
2.1.3.2. Nhiệm vụ	30
2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế	30
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán Công ty Cổ phần Dệt May Huế	34
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	34
2.1.5.2.Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty	37
2.1.6. Tình hình nguồn lực của Công ty qua 3 năm 2016 – 2018.....	39
2.1.6.1. Tình hình lao động.....	39

2.1.6.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn.....	41
2.1.6.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	45
2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế	48
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT	48
2.2.1.1. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán thuế GTGT	48
2.2.1.2. Kế toán thuế GTGT	50
2.2.1.3. Khai, kê khai, kê khai và nộp thuế	61
2.2.1.4. Hoàn thuế	63
2.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	64
2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức công tác Thuế Thu nhập doanh nghiệp	64
2.2.2.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	65
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ ĐÁNH GIÁ VÀ GIỚI THIỆU PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ	128
3.1. Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại Công ty:	128
3.1.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán tại Công ty.....	128
3.1.2. Đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty.....	129
3.1.2.1. Ưu điểm	129
3.1.2.2. Nhược điểm	130
3.1.2.3. Giới thiệu pháp luật hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty.....	131
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	132
1. Kết luận.....	133
2. Kiến nghị	133

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do lựa chọn đề tài

Thuế là một công cụ tài chính vô cùng quan trọng, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước mà bất cứ quốc gia nào cũng sở hữu công cụ thuế để tham gia vào việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Nhưng hiểu biết về bản chất, đặc điểm và vai trò của thuế nói chung hay hiểu biết về bản chất, đặc điểm và vai trò cũng như các quy định pháp luật của từng loại thuế hiện hành nói riêng là hết sức cần thiết đối với các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Nhưng hiểu biết này sẽ góp phần giúp cho các tổ chức, cá nhân trên cơ sở các thông tin về thuế tiếp cận được sự đưa ra các quyết định phù hợp mang lại các kết quả góp phần gia tăng lợi ích kinh tế của các tổ chức, cá nhân trên khuôn khổ tuân thủ pháp luật về thuế.

Tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong công tác kế toán nói chung và kế toán thuế nói riêng, đó là hai sắc thuế phát sinh thường xuyên trong Công ty. Việc tìm hiểu về thuế tại Công ty không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ về thuế mà chúng ta có thể biết được nhiều thông tin khác về Công ty cũng như nhìn nhận Công ty kinh doanh như một hàng nào chịu thuế và không chịu thuế, có thể tìm hiểu doanh thu để xác định doanh thu tính thuế, biết về chi phí nào là hợp lý và chi phí nào không hợp lý tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh, biết được các quy trình nghiệp vụ và vận hành của Công ty. Bên cạnh đó trong những năm qua thì công tác kế toán thuế cũng gặp nhiều khó khăn vì do sự thay đổi liên tục của các chính sách, luật thuế, do đó đòi hỏi bộ phận kế toán phải cố gắng tiếp thu và cập nhật để hoàn thiện hơn.

Là một sinh viên năm cuối hiện nay thì có tầm quan trọng của thuế và cũng vì sự đam mê học tập về lĩnh vực này, do đó tôi quyết định chọn đề tài về thuế với mong muốn dùng những kiến thức đã được học cùng với sự hướng dẫn của giáo viên và các anh chị trong phòng kế toán để hoàn thành tốt đề tài **“Thức trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế”** làm khóa luận tốt nghiệp cho mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài này được nghiên cứu với 3 mục tiêu sau:

Khái quát, trình bày những vấn đề chung về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, lý thuyết về thuế GTGT và thuế TNDN

- Tìm hiểu về thực trạng thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Trình bày kiến thức có được và sơ lược những đóng góp của giáo viên để đánh giá tình hình tại Công ty để có thể đưa ra những kiến nghị đóng góp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác Kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Một số loại thuế sẽ tập trung nghiên cứu các mặt như sau: Chế độ thuế suất, tài khoản sổ đăng, phương pháp hạch toán, kê khai và quy trình toán thuế.

4. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong ba năm gần đây 2016-2019. Công ty khai báo và nộp thuế GTGT vào cuối mỗi tháng nên số liệu được sử dụng là số liệu tháng 10 năm 2019 để thấy rõ công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, còn thuế TNDN năm 2019 chưa hoàn thiện nên sẽ tiến hành nghiên cứu thuế TNDN của năm 2018.

Phạm vi không gian: Đề tài được thực hiện nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế, cụ thể là tại phòng Kế toán của Công ty.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành được đề tài nghiên cứu một cách nhanh chóng và hiệu quả, cần lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp và đúng đắn cũng như phù hợp với

cách thức hoạt động của Công ty. Do đó việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu sao cho phù hợp là rất quan trọng và cần thiết. Sau đây là một số phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài:

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Dựa trên các nguồn thông tin thu thập được từ các tài liệu như: Các quy định về thuế, tài liệu thu ví dụ về trình bày, slide bài giảng, giáo trình để làm cơ sở lý luận về thuế GTGT, thuế TNDN cũng như công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN.

Thu thập những số liệu thô cần thiết để tiến hành xử lý để đưa vào bài nghiên cứu để cung cấp thông tin thực tế. Chương 2 cũng như để tin cậy của bài làm. Phương pháp này sẽ được thể hiện xuyên suốt bài khóa luận.

- **Phương pháp quan sát và phỏng vấn trực tiếp:** Quan sát quá trình làm việc tại Công ty cũng như trao đổi trực tiếp với nhân viên phòng kế toán để nắm bắt được những vấn đề liên quan đến thuế GTGT và thuế TNDN. Do đó phương pháp này được dùng như là cơ sở tài

- **Phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp:** Thông qua báo cáo tài chính của Công ty, trong Chương 2 sẽ tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị trong giai đoạn từ 2016-2018. Phương pháp này được sử dụng nhằm mục đích đánh giá tổng quát về tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình hoạt động của doanh nghiệp qua các năm.

- **Phương pháp kế toán:** Bao gồm phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản và phương pháp hạch toán là ba phương pháp chủ yếu được sử dụng ở chương 2 để phân tích, đánh giá về thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế

6. Tình hình nghiên cứu

Đề nghiên cứu về tài vụ thuế và kế toán thuế GTGT và TNDN đòi hỏi phải tìm hiểu rõ về luật cũng như là thông tin ngành để nắm vững nội dung đó, từ đó mới có thể đưa ra những kết luận cũng như nhận định về nó

Đã làm sáng tỏ cho đề tài: **“Thúc đẩy công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại công ty Cổ phần Liên Minh”** Nguyễn Thị Ngọc Ánh (2018, Đề tài kinh tế Hu), đã làm rõ tính và thể hiện đầy đủ các thông tin cũng như các số lý luận và hai loại thu này. Tuy nhiên, vào thời kỳ của Công ty thì chưa đủ cập nhật nhất phần các số lý luận đã trình bày về khâu trả thu, nộp thu, hoàn thu cũng như kê khai thu,...

Với đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán thu GTGT tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Mỹ Hưng”** của Phạm Thị Phương (K5KTTHB) đã trình bày chi tiết rõ ràng số liệu kế toán cũng như ví dụ đầy đủ các thủ tục đã được cập nhật các số lý luận, tuy nhiên những hạn chế của công tác kế toán thu và chi phí 3 điểm nêu ra không có nhắc đến trong phần thực trạng. Do đó đây được xem là hạn chế của bài.

Với những đề tài trên, tôi đã kế thừa và lựa chọn đề tài: **“Thúc đẩy công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Đất May Hu”** nhằm tìm hiểu về hạn chế thu cũng như công tác kế toán thu và đây để cung cấp thêm kiến thức để tìm kiếm việc làm sau này.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục chữ viết tắt, danh mục số để bảng biểu và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm có 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu:

Chương I: Các số lý luận về công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Đất May Hu

Chương III: Biện pháp nhằm cải thiện công tác kế toán thu GTGT và thu TNDN tại Công ty Cổ phần Đất May Hu

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GTGT, THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MAY HUY

1.1. Cơ sở lý luận về thuế GTGT

1.1.1. Khái niệm về thuế GTGT

Theo giáo trình thuế I của TS. Lê Quang Cường – TS. Nguyễn Kim Quy Nhà xuất bản kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 nêu: “Thuế giá trị gia tăng là loại thuế gián thu dựa trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế Doanh thu, được nghiên cứu và áp dụng nhằm khắc phục những hạn chế của doanh thu. Đây là một loại thuế thu vào mỗi giai đoạn sản xuất, lưu thông sản phẩm hàng hóa, đi từ khâu nguyên liệu cho đến sản phẩm hoàn thành và cuối cùng là giai đoạn tiêu dùng. Do đó, thuế Giá trị gia tăng còn được xem là thuế Doanh thu có khu vực sản xuất đã nộp giai đoạn trước đó”.

1.1.2. Đặc điểm của thuế GTGT

- Thuế GTGT là loại thuế gián thu gắn liền với hoạt động tiêu dùng các hàng hóa, dịch vụ nên có tính lũy thoái cao.

- Phạm vi, đối tượng chịu thuế rộng, nên mức thuế suất không cao như thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt, ít mức thuế suất và được áp dụng thống nhất cho cùng một loại hàng hóa, dịch vụ từ khâu sản xuất cho đến khâu tiêu dùng cuối cùng.

- Thuế GTGT chỉ thu vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ theo phân đoạn trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa từ khâu đầu tiên tiếp nhận tiêu dùng, khi khép kín một chu kỳ. Đơn vị chu kỳ sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ, từng sản phẩm được chia thành các phân đoạn sản phẩm với sản phẩm tính trên giá bán hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng. Do đó, thuế GTGT tránh được hiện tượng đánh thuế trùng lặp.

- Thuế GTGT là một loại thuế gián thu có tính trung lập cao. Thuế GTGT chỉ thu qua từng khâu của quá trình sản xuất, kinh doanh cho đến tiêu dùng nên không bóp méo giá cả của hàng hóa, dịch vụ.

- Thuế GTGT có tính lãnh thuế, đối tượng chịu thuế là người tiêu dùng trong phạm vi lãnh thuế quốc gia

1.1.3. Đối tượng chịu thuế, không chịu thuế và đối tượng nộp thuế GTGT

1.1.3.1. Đối tượng chịu thuế GTGT

Đối tượng chịu thuế GTGT là tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua vào của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT

(Trích từ Điều 3 của luật 13/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008)

1.1.3.2. Đối tượng không chịu thuế GTGT

Gồm 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Điều 5 luật 13/2008/QH12 hiệu lực từ ngày 01/01/2009

1.1.3.3. Đối tượng nộp thuế GTGT

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam (không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh) là người nộp thuế GTGT.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài, nếu các hàng hóa dịch vụ này chịu thuế tiêu thụ GTGT ở Việt Nam thì các nhà nhập khẩu này là người nộp thuế GTGT

1.1.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT

1.1.4.1. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế GTGT là Giá tính thuế và Thuế suất

a. Giá tính thuế GTGT

Giá tính thuế được quy định cụ thể cho từng loại hàng hóa, dịch vụ, hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa dùng để trao đổi và số đóng nợ nội bộ hay đổi với hoạt động cho thuê tài sản. Và là căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải nộp.

$$\text{Giá tính thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{(1 + \text{thuế suất})}$$

Trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hóa có doanh số mua, bán hàng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh số để xác định giá tính thuế

b. Thuế suất thuế GTGT

Có ba mức thuế suất thuế GTGT được áp dụng: Thuế suất 0%, thuế suất 5%, thuế suất 10%

Thuế suất 0%: Áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng, xây lắp công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan, vận tải quốc tế, hàng hóa dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%

Thuế suất 5%: Áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng và các hàng hóa, dịch vụ cần ưu đãi. Căn cứ vào Điều 10, Thông tư 219/2013/TT-BTC và Điều 1, Thông tư 26/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 219/2013

Thuế suất 10%: Áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ thông thường không nằm trong diện không chịu thuế GTGT, chịu thuế suất 0%, chịu thuế suất 5% như nêu trên theo Điều 11, Thông tư 219/2013/TT-BTC.

1.1.4.2. Phương pháp tính thuế

Phương pháp khấu trừ thuế GTGT

Điều kiện áp dụng: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 12, Thông tư 219/TT-BTC, phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, dịch vụ từ 1 tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

Công thức xác định thuế GTGT phải nộp:

$$\text{Thu thuế GTGT phải nộp} = \text{Thu thuế GTGT đầu ra} - \text{Thu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

Xác định thuế GTGT đầu ra

Số thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT, được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Thu thuế GTGT ghi trên hóa đơn} = \text{Giá tính thuế của HHĐV chịu thuế bán ra} - \text{Thu suất thuế GTGT của HHĐV đó}$$

Công thức kinh doanh thuế được tính theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và nộp thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, công thức kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán (trường hợp dùng chung để đóng thuế), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn, như sau:

Đối với công thức kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ:

- Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hóa đơn cao hơn thuế suất đã được quy định thì kê khai, nộp thuế GTGT theo thuế suất đã ghi trên hóa đơn.

- Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hóa đơn thấp hơn thuế suất đã được quy định thì kê khai, nộp thuế GTGT theo mức thuế suất quy định.

Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào là loại được dùng chung để đóng thuế thì giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì công thức căn cứ giá đã có thuế để tính giá chưa có thuế và thuế GTGT đầu vào.

Đối với công thức kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ:

- Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hóa đơn mua vào cao hơn thuế suất đã được quy định thì khi trừ thuế GTGT đưa vào theo thuế suất đã được quy định.

- Nếu thuế suất thuế GTGT ghi trên hóa đơn mua vào thấp hơn thuế suất đã được quy định thì khi trừ thuế GTGT đưa vào theo thuế suất ghi trên hóa đơn.

Đối với các số kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ: Trường hợp các số khi nhập khẩu hàng hóa đã khai, nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, khi bán cho người tiêu dùng lập hóa đơn ghi thuế suất thuế GTGT trên hóa đơn bán ra đúng bằng với mức thuế suất thuế GTGT đã khai, nộp ở khâu nhập khẩu như mức thuế suất đã khai thấp hơn thuế suất đã được quy định thì các số không được thu thêm tiền của khách hàng.

1.1.5. Kế khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT

1.1.5.1. Kế khai thuế

Thời điểm kê khai:

Từ Điều 15, Thông tư 151/2014/TT-BTC sửa đổi bổ sung Điều 6, Khoản 2, Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC như sau:

Kê khai thuế GTGT theo quý áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề dưới 50 tỷ đồng.

Kê khai thuế GTGT theo tháng áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng.

Đối với những doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh thì kê khai thuế GTGT theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm đó tính tiếp theo sẽ căn cứ theo mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của năm đó tính tiếp liền kề (đủ 12 tháng) để xác định kê khai thuế GTGT theo tháng hay theo quý.

Kê khai thuế GTGT theo từng lần phát sinh đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoài tỉnh.

Kê khai thuế GTGT theo từng lần phát sinh đối với thuế GTGT theo phương pháp trừ giá trị trên doanh số của người kinh doanh không thanh toán xuyên.

Hình thức kê khai thuế GTGT bao gồm:

- Hộ s³ kê khai thu³ GTGT theo tháng, quý đ³i v³i doanh nghiệp áp d³ng thu³ GTGT theo ph³ng pháp khu³ tr³: T³ khai thu³ GTGT theo m³u s³ 01/GTGT ban hành kèm theo Thông t³ 156/2013/TT-BTC.

Thời hạn nộp hồ s³:

Căn c³ theo Điều 10, Thông t³ 156/2013/TT-BTC quy đ³nh v³ thời hạn nộp t³ khai thu³ GTGT nh³ sau:

- Thời hạn nộp hồ s³ khai thu³ tháng ch³m nh³t là ngày th³ 20 c³a tháng tiếp theo phát sinh nghĩa v³ nộp thu³.

- Thời hạn nộp hồ s³ khai thu³ quý ch³m nh³t là ngày th³ 30 c³a quý tiếp theo phát sinh nghĩa v³ nộp thu³

- Thời hạn nộp hồ s³ khai thu³ theo t³ng l³n phát sinh nghĩa v³ thu³ ch³m nh³t là ngày th³ 10, k³ t³ ngày phát sinh nghĩa v³ thu³.

- Thời hạn nộp hồ s³ quy³t toán thu³ năm ch³m nh³t là ngày th³ 90 k³ t³ ngày k³t thúc năm d³ng l³ch ho³c năm tài chính.

1.1.5.2. Nộp thu³

Theo quy đ³nh Điều 26, Thông t³ 156/2013/TT-BTC, quy đ³nh v³ thời hạn nộp thu³ nh³ sau:

“Thời hạn nộp thu³ ch³m nh³t là ngày cuối cùng c³a thời hạn nộp hồ s³ khai thu³ đ³i v³i tr³ng h³p ng³i i nộp thu³ tính thu³ ho³c thời hạn nộp thu³ ghi trên thông báo, quy³t đ³nh, văn b³n c³u c³ quan thu³ ho³c c³ quan nhà n³c có th³m quy³n khác”.

1.1.5.3. Hoàn thu³ GTGT

Căn c³ vào Điều 18, Thông t³ 219/2013/TT-BTC và Điều 1, Thông t³ 130/2016/TT-BTC s³a đ³i, b³ sung m³t s³ đ³i c³a Thông t³ 219 v³ đ³i t³ng đ³c hoàn thu³ GTGT nh³ sau:

- C³ s³ kinh doanh nộp thu³ GTGT theo ph³ng pháp khu³ tr³ thu³ n³u có s³ thu³ GTGT đ³u vào ch³a đ³c khu³ tr³ h³t trong tháng (đ³i v³i tr³ng h³p kê khai

theo tháng) hoặc trong quý (đổi với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Trường hợp lũy kế sau ít nhất một hoặc hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc sau ít nhất bốn quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì còn số kinh doanh được hoàn thu.

- Công số kinh doanh mới thành lập từ đầu năm đầu tiên đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc đầu tiên tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tiên, chưa đi vào hoạt động, nộp thuế gián đầu tiên từ 01 năm trở lên thì được hoàn thu GTGT của hàng hóa, dịch vụ số đầu tiên cho đầu tiên theo từng năm. Trường hợp nộp, nộp số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào số đầu tiên cho đầu tiên từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thu GTGT

- Công số kinh doanh quy tắc toán thuế khi chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi số hợp, giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế GTGT nộp thừa.

1.2. Công số lý luận về kế toán thuế GTGT

1.2.1. Kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

1.2.1.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào

a. Chứng từ số đầu tiên

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, vì vậy công ty số đầu tiên để các chứng từ cần thiết để ghi nhận thuế GTGT đầu vào như sau:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT3/001)
- Hóa đơn, chứng từ đầu tiên
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (Mẫu số 01-2/GTGT)
- Bảng phân bổ thuế GTGT khấu trừ tháng (Mẫu số 01-4A/GTGT)
- Chứng từ nộp thuế GTGT khấu trừ khấu trừ
- Chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía bên ngoài
- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng